TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 49/2025/QĐST-HNGĐ	*Q, ngày 19 tháng 6 năm 2025*

Q ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH T

Căn cứ vào Điều 212, 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015

Căn cứ Điều 4, Điều 6, Điều 35, Khoản 3 Điều 37 Nghị Q số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 61/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 05 năm 2025 về việc: *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải Q việc dân sự:*

1. Anh: Lương Văn D - Sinh ngày 24 tháng 12 năm 1983

CCCD số: 038083005307. Ngày cấp: 19/01/2024. Nơi cấp: Cục cảnh sát.

Địa chỉ: Bản C , xã P, huyện Q, tỉnh T

2. Chị: Bùi Thị Q - Sinh ngày 02 tháng 05 năm 1989

CCCD số: 038189023679. Ngày cấp: 28/08/2022. Nơi cấp: Cục cảnh sát

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh T .

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn D và chị Bùi Thị Q tự do tìm hiểu yêu đương, không bị ai ép buộc, anh chị tự nguyện kết hôn và đăng ký ngày 20 tháng 5 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống tại bản Chiềng, xã P, huyện Q, tỉnh T. Năm 2014 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, dẫn đến không thông cảm được cho nhau trong cuộc sống. mặc

dù đa được gia đình nội ngoại dàn xếp hòa giải nhưng tình hình vẫn không được cải thiện. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, chị Q và con chuyển về sinh sống cùng bố, mẹ đẻ ở thôn S, xã T, huyện B, tỉnh T, anh D ở cùng bố mẹ đẻ tại bản C , xã P, huyện Q, tỉnh T, không còn quan tâm đến nhau. Nay, xét thấy tình cảm vợ, chồng không còn, không thể hàn gắn, anh chị đề nghị Tòa án công nhận cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh chị có với nhau 01 con chung, tên cháu là Bùi Minh T (Sinh ngày: 01/03/2014), hiện tại cháu đang ở với mẹ. Nguyện vọng của cháu là muốn ở cùng với mẹ, chị Q có nguyện vọng muốn được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tâm cho đến khi trưởng thành, các đương sự thống nhất thỏa thuận để chị Q là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, dạy dỗ cháu Tâm cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh D có quyền thăm con theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cấm, cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xét.

[4] Về lệ phí việc dân sự: Vợ chồng thoả thuận chị Bùi Thị Q là người nộp tiền lệ phí việc HNGĐ sơ thẩm.

Ngày 11/06/2025, Toà án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Hai bên thực sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; việc không chia tài sản chung; việc chịu lệ phí dân sự sơ thẩm. Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, con. Các đương sự đều yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con của họ. Vì vậy, có đủ điều kiện để công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con của các đương sự

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

Q ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Anh Lương Văn D và chị Bùi Thị Q.

- Về con chung: Chị Bùi Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, dạy dỗ cháu Bùi Minh T (Sinh ngày: 01/03/2014) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Lương Văn D không phải đóng góp nuôi con chung cho đến khi có sự thay đổi

theo quy định của pháp luật và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về các vấn đề khác: Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 20/5/2013 của UBND xã P, huyện Q, tỉnh T hết giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị Q tự nguyện nộp lệ phí việc HN&GĐ sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí việc HN&GĐ sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số 0002365 ngày 22/05/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh T;
- VKSND huyện Q (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Q, tỉnh T;
- UBND xã P, huyện Q, tỉnh T;
- UBND xã T, huyện B,tỉnh T;
- Những người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thanh